

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/5/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Hùng Minh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Đức Chung.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ – Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: tổ 9, ấp AL, xã LA, huyện LT, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Ông **Bùi Trọng L**, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: tổ 9, ấp AL, xã LA, huyện LT, tỉnh ĐN.

(Bà T, ông L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà và ông L xây dựng gia đình vào năm 1986, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, do cả hai đều tự nguyện.

Thời gian đầu bà và ông L chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, giữa bà và ông L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xích mích, bất hoà, không có ngày nào được yên.

Bản thân ông L cãi nhau thường xuyên với bà, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với ông L, bà và ông L đã sống ly thân đến nay được 02 năm.

- Về con chung: Có 02 cháu.
Bùi Thanh S, sinh năm: 1987.
Bùi Thanh L, sinh năm: 1992.
Các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Để bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Bà T trình bày không có.

Tại bản tự khai đề ngày 01 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình xét xử bị đơn ông Bùi Trọng L trình bày:

Giữa ông và bà T xây dựng gia đình vào năm 1986 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Ông và bà T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 1991, đến năm 2015 thì trầm trọng hơn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng khắc khẩu, thường xuyên cãi vã nhau, bản thân ông nóng tính, bất đồng quan điểm với nhau. Mặc dù vậy, nhưng ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà T xin ly hôn ông không đồng ý vì đã lớn tuổi và vì con, cháu. Ông sẽ thuyết phục bà T cho ông cơ hội cuối.

- Về con chung: Có 02 cháu.
Bùi Thanh S, sinh năm: 1987.
Bùi Thanh L, sinh năm: 1992.
Các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Để ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Ông L trình bày không có.

Những nội dung các đương sự đã thống nhất, không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Bùi Trọng L, ông L không đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 02 cháu.
Bùi Thanh S, sinh năm: 1987.
Bùi Thanh L, sinh năm: 1992.
Các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, thời gian mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông L.

Con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không xem xét.

Tài sản chung: Các đương sự đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa bà Trần Thị T và ông Bùi Trọng L là tranh ly hôn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Long Thành, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa bà T và ông L xây dựng gia đình với nhau năm 1986, có làm thủ tục đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, do cả hai đều tự nguyện, theo Giấy công nhận kết hôn số 28 ngày 30/01/1986 nên là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống bà T xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã với nhau. Thời gian mâu thuẫn kéo dài từ năm 2015 đến nay. Ông L cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 1991, năm 2015 đến nay thì trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng, nhưng ông L không đồng ý ly hôn với bà T vì đã lớn tuổi và vì con cháu.

Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, bà T và ông L đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn thời gian dài, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã với nhau, mặc dù Tòa án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết ly hôn với ông L. Nên cần xử cho bà T được ly hôn với ông L.

[4]. Về con chung:

Anh Bùi Thanh S, sinh năm: 1987.

Anh Bùi Thanh L, sinh năm: 1992.

Các con đều đã trưởng thành, nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Các đương sự trình bày không có, nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 4, Điều 6 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của bà Trần Thị T. Xử cho bà T được ly hôn với ông Bùi Trọng L.

- Về con chung:

Anh Bùi Thanh S, sinh năm: 1987.

Anh Bùi Thanh L, sinh năm: 1992.

Đã trưởng thành nên không xem xét

- Tài sản chung: Không xem xét.

- Nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn), theo biên lai số 0005268 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà T đã nộp đủ án phí.

- Bà T và ông L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- THA DS H. Long Thành;
- UBND xã Châu Phong.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hùng Minh Sang